TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HS-ST
Ngày 05-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Vỹ và bà Trần Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thới Sương – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V (tên gọi khác: V), sinh năm 1983 tại Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: đường P, Cụm 1, Tổ 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: đường N, Tổ 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Trần Thị Thanh T (đã ly hôn năm 2015) và 01 con sinh năm 2009; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: Bản án số 60/2014/HSST ngày 22-9-2014 của TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành án xong ngày 22-9-2015, đã được xóa án tích; Bản án số 57/2017/HSST ngày 28-11-2017 của TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 09 tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10-5-2018; Ngày 08-8-2017 bị Công an huyện Di Linh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị bắt, tạm giam ngày 10-5-2018, có mặt.

- *Bị hại*: Anh Đào Mạnh T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn 12, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Chị Ngô Thị C, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng: Bà Vũ Thị X, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 22-6-2017, Nguyễn Văn V đi bộ ngang qua Trung tâm điện máy M tại thôn 2, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thì phát hiện xe máy, biển số 53S2 – 8224 của anh Đào Mạnh T đang để trước sân, quan sát xung quanh không thấy ai trông coi nên V nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. V đi đến vị trí xe trên, nổ máy rồi điều khiển xe chạy về nhà anh Trần Văn Đ để thỏa thuận bán xe. Khi V đến nhà Đ thì có chị Ngô Thị C (vợ của Đ) ở nhà. Sau khi xem xe, C đồng ý mua với giá 1.300.000 đồng, C đưa cho V 1.000.000 đồng, còn thiếu lại 300.000 đồng. Việc mua bán này hai bên không lập giấy tờ gì. Số tiền trên V đã tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ Thông báo kết luận định giá tài sản số 280/TB-HĐĐG ngày 01-8-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Di Linh xác định: Xe máy biển số 53S2 – 8224, hiệu Citi, màu nâu có giá trị là 3.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Ngô Thị C không thừa nhận việc mua bán xe với V, vì ngày 22-6-2017 V chạy xe đến nhà C thì cả hai vợ chồng C đang đi lo cho anh trai của chồng là Trần Văn B bị tai nạn trong rừng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ: 01 xe máy biển số 53S2 – 8224 (đã thay bằng biển số 49V5 – 8809). Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đào Mạnh T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự khi xử lý.

Tình tiết tăng nặng: Không có

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh giữ

quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 xét xử bị cáo Nguyễn Văn V từ 12 đến 15 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-5-2018.

- Về vật chứng: 01 xe máy biển số 53S2 – 8224 đã thay bằng biển số 49V5 – 8809, số máy CT100E 1209491, số khung CT100F 1209388 đã trả lại cho chủ sở hữu anh Đào Mạnh T theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 09-3-2018, anh T không có ý kiến gì, nên không đề cập giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

- Về án phí: Bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo gửi lời xin lỗi bị hại vắng mặt, trong thời gian bị tạm giam bị cáo ăn năn, hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của anh Đào Mạnh T và bà Vũ Thị X: Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng đều yêu cầu vẫn tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, vì muốn có tiền để phục vụ nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của bị hại để trộm cắp tài sản trị giá 3.500.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận điều tra và cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ

sung năm 2009.

[4] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, vì muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang và không yên tâm lao động sản xuất. Do vậy, việc xét xử đối với bị cáo phải thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về nhân thân:

Căn cứ vào trích lục tiền án, tiền sự của Phòng PV27 Công an tỉnh Lâm Đồng và lý lịch bị cáo thể hiện: Bị cáo từng bị xét xử tại Bản án số 60/2014/HSST ngày 22-9-2014 của TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành án xong ngày 22-9-2015, đã được xóa án tích; Bản án số 57/2015/HSST ngày 28-11-2017 của TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 09 tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10-5-2018, không thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Hình sự, không xác định là tiền án do hành vi thực hiện ngày 10-8-2017 đã xét xử trước vào ngày 28-11-2017, hành vi thực hiện ngày 22-6-2017 được xét xử sau tại phiên tòa này; Ngày 08-8-2017 bị Công an huyện Di Linh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đến nay chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính, nhưng đã được áp dụng tại Bản án số 57/2015/HSST ngày 28-11-2017 của TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng nên trong bản án này không áp dụng là tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng đối với bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Đối với việc Nguyễn Văn V bán xe cho Nguyễn Thị C, do C không thừa nhận đã mua xe và giao tiền cho V, không có ai khác biết việc này, V không có giấy tờ mua bán, không có chứng cứ thể hiện có việc bán xe cho C nên chưa đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với C.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đào Mạnh T đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: 01 xe máy biển số 53S2 – 8224 đã thay bằng biển số 49V5

– 8809, số máy CT100E 1209491, số khung CT100F 1209388 đã trả lại cho chủ sở hữu anh Đào Mạnh T theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 09-3-2018, anh T không có ý kiến gì, nên không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Bị cáo, bị hại, người LQ (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử

phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)